Chi tiết mã HS 9010.90.20

Mã HS	9010.90.20
Mô tả hàng hóa	Máy và thiết bị dùng trong phòng làm ảnh (kể cả điện ảnh), chưa được ghi hoặc chi tiết ở nơi nào khác thuộc Chương này; máy xem âm bản; màn ảnh của máy chiếu / - Bộ phận và phụ kiện: / - - Của hàng hóa thuộc phân nhóm 9010.10.00
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	03/11/2026 06:05:29
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90109020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18009
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18009
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18009
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17315
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17244
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17244
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17244
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17244
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17244
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17244
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17300
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17300

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17300
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17300
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17300
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17300
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17301
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17301
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17301
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17301
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17301
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17301
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17306
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17262
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17258
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17258
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17258
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17258
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17258
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17258
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17304
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17304
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17304
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17304
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17304
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17304
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17366
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17366

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17366
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17366
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17366
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17366
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17342
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17342
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17342
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17342
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17342
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17342
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17337
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17337
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17337
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17337
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17337
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17337
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17367
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17367
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17367
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17367
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17367
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17367
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17366
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17366
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17366
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17366

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17366
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17366
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17460
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17460
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17460
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17460
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17460
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17460
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17460
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17329
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17329
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17329
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17329
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17329
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17329
RCEP B	2022	2022	0	B!D17329
RCEP B	2023	2023	0	B!E17329
RCEP B	2024	2024	0	B!F17329
RCEP B	2025	2025	0	B!G17329
RCEP B	2026	2026	0	B!H17329
RCEP B	2027	2027	0	B!I17329
RCEP C	2022	2022	0	C!D17327
RCEP C	2023	2023	0	C!E17327
RCEP C	2024	2024	0	C!F17327
RCEP C	2025	2025	0	C!G17327
RCEP C	2026	2026	0	C!H17327

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17327
RCEP D	2022	2022	0	D!D17326
RCEP D	2023	2023	0	D!E17326
RCEP D	2024	2024	0	D!F17326
RCEP D	2025	2025	0	D!G17326
RCEP D	2026	2026	0	D!H17326
RCEP D	2027	2027	0	D!I17326
RCEP E	2022	2022	0	E!D17330
RCEP E	2023	2023	0	E!E17330
RCEP E	2024	2024	0	E!F17330
RCEP E	2025	2025	0	E!G17330
RCEP E	2026	2026	0	E!H17330
RCEP E	2027	2027	0	E!I17330
RCEP F	2022	2022	0	F!D17329
RCEP F	2023	2023	0	F!E17329
RCEP F	2024	2024	0	F!F17329
RCEP F	2025	2025	0	F!G17329
RCEP F	2026	2026	0	F!H17329
RCEP F	2027	2027	0	F!I17329
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16251
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16251
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16251
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16251

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9010.90 có 3 dòng thuế; dòng 9010.90.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Của hàng hóa thuộc phân nhóm 9010.10.00.	9010.90.30 Bộ phận và phụ kiện của máy để chiếu hoặc vẽ mạch lên các chất nền có độ nhạy sáng để sản xuất tấm mạch in/tấm dây in; 9010.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9010.90.20 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9010.90.20	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9010.90.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9010.90.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18009), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.